

| Thị trường tiền tệ              | Giá đóng cửa | Thay đổi 1 ngày (%) |
|---------------------------------|--------------|---------------------|
| Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm    | 2.04         | 3.1                 |
| Lãi suất liên ngân hàng qua đêm | 4.65         | 0.0                 |
| Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng | 4.90         | 0.0                 |
| USD/VND                         | 25,456       | 0.0                 |
| Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm         | 4.4          | 0.1                 |
| Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm          | 4.6          | 0.1                 |

Ngày 1/7, tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 24.252 VND/USD, giảm 8 đồng so với mức niêm yết trước đó. Áp dụng biên độ 5%, hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại được phép giao dịch là từ 23.039 - 25.465 VND/USD.

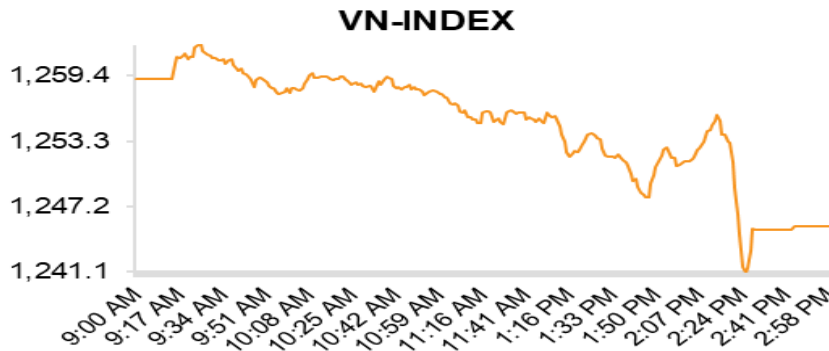
| Thị trường hàng hóa       | Giá đóng cửa | Thay đổi (%) | 1 ngày | 1 tháng | 1 năm |
|---------------------------|--------------|--------------|--------|---------|-------|
| Vàng (USD/oz)             | 2,336.60     | -0.1         | 0.6    | 21.1    |       |
| Dầu WTI (USD/b) 1 tháng   | 81.86        | 0.4          | 6.3    | 15.9    |       |
| Dầu Brent (USD/b) 1 tháng | 85.33        | 0.4          | 4.5    | 13.9    |       |
| Thép (USD/tấn)            | 506.3        | -0.4         | -3.0   | -2.4    |       |
| Thịt heo (USD/kg)         | 2.5          | 2.8          | 3.8    | 31.5    |       |
| Phân urea (USD/tấn)       | N/A          | N/A          | N/A    | N/A     | 20.8  |

Theo Reuters, Bộ công nghiệp sản xuất thép và Bộ thương mại Ấn Độ cho biết đang thảo luận về việc thép giá rẻ từ Trung Quốc tràn quá nhiều vào thị trường nội địa. Các nhà sản xuất thép của Ấn Độ cũng liên tục kêu gọi chính phủ tăng thuế quan từ 7,5% lên 12,5%.

|                           | Giá đóng cửa | Thay đổi (%) |
|---------------------------|--------------|--------------|
| Dow Jones                 | 39,119       | -0.1         |
| NASDAQ                    | 19,683       | -0.5         |
| S&P500                    | 8,179        | 0.2          |
| FTSE 100                  | 18,271       | 0.2          |
| Nikkei 225                | 39,631       | 0.1          |
| Shanghai Shenzhen CSI 300 | 3,478        | 0.5          |
| KOSPI Index               | 2,804        | 0.2          |

- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP trong nước quý II/2024 tăng trưởng tích cực với tốc độ tăng ước đạt 6,93% svck. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, GDP tăng 6,42%. Chỉ số lạm phát tiêu dùng CPI tháng 6/2024 tăng 0,17% so với tháng trước, so với tháng 12/2023 CPI tháng 6/2024 tăng 1,40% và tăng 4,34% svck.
- Theo báo cáo từ S&P Global, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đã tăng mạnh lên 54,7 điểm trong tháng 6 từ mức 50,3 điểm của tháng 5 cho thấy sự phục hồi chắc chắn chứ. Sự tăng trưởng của sản xuất trong tháng cuối cùng của Quý II nhờ lượng đơn đặt hàng mới tăng với một trong những tốc độ nhanh nhất từng được ghi nhận.

### Thị trường chứng khoán



| Ngành (VNIndex)                | Tỷ trọng VN-INDEX | Thay đổi (%) | P/E   | P/B |
|--------------------------------|-------------------|--------------|-------|-----|
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | 3.9               | 2.4%         | 62.9  | 4.6 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu       | 8.6               | 1.2%         | 103.0 | 3.4 |
| Năng lượng                     | 1.6               | 0.7%         | 17.3  | 1.6 |
| Tài chính                      | 42.2              | 0.9%         | 11.4  | 1.8 |
| Chăm sóc sức khỏe              | 0.7               | 0.2%         | 17.6  | 2.4 |
| Công nghiệp                    | 9.5               | 1.2%         | 39.3  | 2.6 |
| Công nghệ thông tin            | 4.1               | -1.0%        | 28.2  | 6.6 |
| Vật liệu xây dựng              | 9.5               | 0.4%         | 29.6  | 2.1 |
| Bất động sản                   | 13.0              | 0.7%         | 38.2  | 1.6 |
| Dịch vụ tiện ích               | 6.3               | 0.1%         | 22.5  | 2.3 |

### Nhận định thị trường hàng ngày

Thị trường đón nhận những thông tin vĩ mô tích cực và xuất hiện sự hồi phục. Tuy nhiên, thanh khoản vẫn ở mức thấp. Kết phiên, chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1254,56 điểm (+9,24 điểm ~ 0,74%), thị trường nghiêng về số mã tăng với tỷ lệ mã tăng/giảm giá là 276/141.

VN-Index xuất hiện phiên phục hồi kỹ thuật với thanh khoản thấp giúp chỉ số tạm dừng đà giảm của mình. Các cổ phiếu ngân hàng đang có dấu hiệu tạo đáy thuyết phục khi giá tăng mạnh vượt trội so với các phiên giảm. Tuy nhiên một số nhóm cổ phiếu giảm sau như công nghệ, hóa chất, chứng khoán chưa thực sự tạo đáy có thể sẽ khiến thị trường đi ngang hoặc điều chỉnh thêm. Các nhà đầu tư có thể tận dụng các phiên tăng giá để hạ tỷ trọng và tiến hành mua vào nếu thị trường điều chỉnh. Tỷ trọng cổ phiếu thấp vẫn nên được ưu tiên. Ngưỡng hỗ trợ và kháng cự lần lượt là 1250/1280.

| Các chỉ báo kỹ thuật của VN-Index |                |                    |                    |                         |                 |            |           |              |  |
|-----------------------------------|----------------|--------------------|--------------------|-------------------------|-----------------|------------|-----------|--------------|--|
| RSI                               | Bollinger band | Thanh khoản/chỉ số | Độ rộng thị trường | Tương quan các đường MA | Hỗ trợ/Kháng cự | Lãi lỗ T+3 | Trendline | Mẫu hình nền |  |
| ↓                                 | ↓              | ↑                  | ↑                  | ↓                       | ↑               | ↓          | ↓         | ↑            |  |

Nguồn: Bloomberg

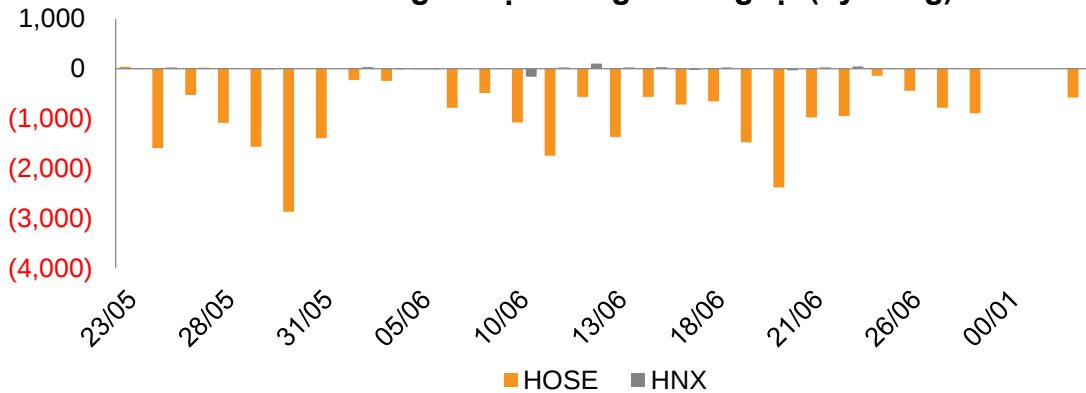
**Định giá P/E**



**Nhận định**

Thị trường đang giao dịch ở mức P/E 15.8x lần. Giá trị P/E trung bình trong vòng 10 năm là 16,6x lần.

**Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)**



Khối ngoại bán ròng 774 tỷ đồng tập trung vào FPT (-248,8 tỷ), FUEVFNVD (-209,7 tỷ), TCB (-91,5 tỷ), VHM (-73,6 tỷ), DGC (-64,9 tỷ), SSI (-57,1 tỷ), HPG (-51,2 tỷ). Ngược lại, lực mua tập trung VPB (73,5 tỷ), VCI (38,7 tỷ).